

Số: 82/2026/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2026/TLST- HNGĐ ngày 08/6/2026 về việc “Ly hôn và nuôi dưỡng con chung” giữa:

Nguyên đơn: anh **Nguyễn Quang D**, sinh năm 1992

HKTT: **thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên.**

CCCD số 033092009425 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 11/08/2021

Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1993

HKTT: **thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên.**

CCCD số 068193002584 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 28/08/2022.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu **Nguyễn Ngọc Trà M**, sinh ngày 28/9/2013; cháu **Nguyễn Ngọc Thảo V**, sinh ngày 10/4/2015 và cháu **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 09/10/2020. Cháu **M**, cháu **V** và cháu **T** là con của anh **D** và chị **N**.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Quang D**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Quang D** thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị **N** và anh **D** có 03 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Trà M**, sinh ngày 28/9/2013; cháu **Nguyễn Ngọc Thảo V**, sinh ngày 10/4/2015 và cháu **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 09/10/2020. **Anh D1** và chị **N** thỏa thuận giao 02 cháu **V** và **T** cho anh **D1** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu **M** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con, anh **D1** và chị **N** tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản; về công nợ; công sức và đất ruộng: chị **N** và anh **D1** cùng tự nguyện không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Nguyễn Quang D** chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003054 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh **D** đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại cho anh **D** số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- UBND xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy

